

19. Thọ dụng cụ túc (受用具足: Thọ dụng đầy đủ)

Phẩm này mang tên “Thọ Dụng Cụ Túc” vì tất cả chúng sanh cõi ấy đều “*hình mạo đoan nghiêm, phước đức vô lượng, trí huệ minh liễu, thần thông tự tại*” (hình dung diện mạo đoan nghiêm, phước đức vô lượng, trí huệ sáng suốt, thần thông tự tại); những thứ thọ dụng như vậy đều đầy đủ cả. Những phẩm trước chỉ nói chung chung là thân tâm của chánh báo, phước đức thù thắng của y báo đều siêu thắng hy hữu; phẩm này đặc biệt nói rõ về “*phước đức vô lượng*”, y phục, thức ăn, cung điện thảy đều “*ứng niệm hiện tiền, vô bất cụ túc*” (theo ý nghĩ liền xuất hiện trước mặt, không gì là chẳng đầy đủ).

Chánh kinh:

復次極樂世界所有眾生，或已生，或現生，或當生，皆得如是諸妙色身。形貌端嚴，福德無量。智慧明了，神通自在。受用種種，一切豐足。宮殿、服飾、香花、幡蓋，莊嚴之具，隨意所須，悉皆如念。

Phục thứ Cực Lạc thế giới sở hữu chúng sanh, hoặc dĩ sanh, hoặc hiện sanh, hoặc đương sanh, giai đắc như thị chư diệu sắc thân. Hình mạo đoan nghiêm, phước đức vô lượng, trí huệ minh liễu, thần thông tự tại. Thọ dụng chủng chủng nhất thiết phong túc, cung điện, phục sức, hương, hoa, phan cái, trang nghiêm chi cụ, tùy ý sở tu tất giai như niệm.

Lại nữa, trong Cực Lạc thế giới, tất cả chúng sanh, hoặc là đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, đều được các sắc thân mâu nhiệm như thế. Hình mạo đoan nghiêm, phước đức vô lượng, trí huệ sáng suốt, thần thông tự tại. Hết thảy các thứ thọ dụng dư dật, cung điện, phục sức, hương, hoa, phan, lọng, vật trang nghiêm, tùy ý cần thứ gì đều được như lòng mong.

Giải:

Mấy câu đầu trong đoạn kinh này để tiếp nối ý chúng sanh trong cõi ấy “*dung sắc vi diệu*” nói trong phẩm trước nên mới chép là tất cả chúng sanh hoặc là đã vãng sanh trong quá khứ, hoặc đang vãng sanh

trong hiện tại, hoặc sẽ vãng sanh trong tương lai, đều được “*như thị chư diệu sắc thân, hình mạo đoan nghiêm*” (sắc thân nhiệm màu như thế, hình mạo đoan chánh, trang nghiêm). Chữ “*như thị*” (như thế) chỉ thân họ vượt xa thân của Lục Dục thiên vương đến ngàn vạn ức lần.

Những câu kinh tiếp đó nói rõ về sự thọ dụng đầy đủ. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “*Do bỉ giới trung chư hữu tình loại, vô hữu nhất thiết thân tâm ưu khổ, duy hữu vô lượng thanh tịnh hỷ lạc*” (Do các hữu tình trong thế giới ấy chẳng có hết thảy nỗi khổ nơi thân, nơi tâm, chỉ hưởng vô lượng hỷ lạc thanh tịnh); phẩm Quyết Chứng Cực Quả trong kinh này cũng bảo: “*Duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc*” (Chỉ hưởng khoái lạc thanh tịnh tối thượng). Đó là “*phước đức vô lượng*”.

“*Trí huệ minh liễu*” (Trí huệ sáng suốt) là kết quả của nguyện “*quang minh, trí huệ, biện tài*”. Phật đã nguyện: “*Thành tựu hết thảy trí huệ*”; phẩm Bồ Tát Tu Trì trong kinh này cũng nói hết thảy Bồ Tát trong cõi ấy “*chư Phật mật tạng, cứu cánh minh liễu*” (đôi với các tạng bí mật của chư Phật đều hiểu rõ rớt ráo). Những câu như vậy đều diễn tả ý “*trí huệ minh liễu*”. Hơn nữa, trong chữ “*minh liễu*”, minh (明) là minh bạch rõ ràng, liễu (了) là rạch ròi phân minh. Cái gọi là “*như thật tri tự tâm*” (biết tự tâm đúng như thật) trong Mật giáo chính là trí huệ sáng suốt. Câu “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*” (soi thấy Ngũ Uẩn đều không) cũng diễn tả ý: Trí huệ sáng suốt.

“*Thần thông tự tại*” chính là “*thần thông biến hóa, nhất thiết thiên nhân bất khả vi tỷ, bách thiên vạn ức, bất khả kể bội*” (Thần thông biến hóa hết thảy trời, người chẳng thể sánh nổi, vượt hơn thần thông trời, người cõi này đến trăm ngàn vạn ức chẳng thể tính lần). Trong phẩm Bồ Tát Tu Trì, có câu: “*Dĩ phương tiện trí, tăng trưởng liễu tri, tòng bốn dĩ lai, an trụ thần thông*” (Dùng trí phương tiện tăng trưởng sự hiểu biết rõ ràng; xuất phát từ cái gốc, an trụ trong thần thông). Do vậy, thấu hiểu được cái gốc của thần thông thì mới có thể biến hóa thần thông tự tại vô ngại. Vì vậy mới nói: “*Đản đắc bốn, mạc sầu mật*” (Đã nắm được cái gốc, còn lo chi cái ngọn).

Căn Bản Trí chính là cái gốc, các thứ thần thông chỉ là tánh chất phụ thuộc của Thánh Trí. Do phước đức vô lượng nên cảm được “*thọ dụng chủng chủng nhất thiết phong túc*” (hết thảy các thứ thọ dụng đều dư dật). Lại do trí huệ thần thông nên “*cung điện, phục sức, hương, hoa, phan cái, trang nghiêm chi cụ, tùy ý sở tu tất giai như niệm*” (cung điện, phục sức, hương hoa, phan, lọng, vật trang nghiêm tùy ý cần dùng thảy

đều thỏa lòng mong). Tiếp đó, kinh lần lượt diễn tả từng phương diện ăn uống, y phục, chỗ ở. Trước hết kinh nói về vấn đề ăn uống.

Chánh kinh:

若欲食時，七寶鉢器，自然在前，百味飲食，自然盈滿。雖有此食，實無食者。但見色聞香，以意為食。色力增長，而無便穢。身心柔軟，無所味著。事已化去，時至復現。

Nhược dục thực thời, thất bảo bát khí tự nhiên tại tiền, bách vị ẩm thực, tự nhiên doanh mãn. Tuy hữu thử thực, thật vô thực giả. Dẫn kiến sắc, văn hương, dĩ ý vi thực, sắc lực tăng trưởng, nhi vô tiện uế, thân tâm nhu nhuyễn, vô sở vị trước. Sự dĩ hóa khứ, thời chí phục hiện.

Nếu lúc muốn ăn thì bình bát bằng bảy báu tự nhiên hiện ra trước mặt, thức ăn trăm vị tự nhiên đựng đầy ấp trong đó. Tuy có thức ăn như vậy, nhưng không thật sự có ăn uống. Chỉ nhìn thấy hình sắc, ngửi mùi hương, liền nghĩ là đã ăn, sắc lực tăng trưởng, chẳng có đại tiểu tiện dơ dáy, thân tâm nhu nhuyễn, không tham đắm mùi vị. Ăn xong thức ăn biến đi, đúng thời lại hiện ra.

Giải:

Chữ Bát (鉢) trong “bát khí” (鉢器) là gọi tắt chữ Phạn Bát Đa La (Patra), Hán dịch là Ứng Khí, hoặc Ứng Lượng Khí; đó là đồ dụng đựng thức ăn của người xuất gia. Bản Hán dịch ghi: “Mãn kỳ trung bách vị ẩm thực tự tứ, nhược tùy ý tác chí, diệc vô sở từng lai, diệc vô hữu cung tác giả, tự nhiên hóa sanh nhĩ” (Thức ăn trăm vị mặc lòng chứa đầy ấp trong bát, tùy ý hiện đến, cũng chẳng từ đâu đến; cũng chẳng cần phải cung cấp, nấu nướng, chỉ tự nhiên hóa sanh mà thôi). Như vậy, các thứ như bình bát, thức ăn... đều là từ bốn nguyện của Phật Di Đà cảm thành nên chẳng cần phải tạo tác, cứ tự nhiên xuất hiện.

Trong câu “bách vị ẩm thực” (thức ăn trăm vị), chữ “bách vị” chỉ trăm thứ mùi vị ngon lành. Đại Luận viết: “Có kẻ bảo dùng trăm thứ bánh để cúng dường nên gọi là trăm vị. Có hơn cả năm trăm loại bánh nên vị của chúng phải hơn trăm. Do đó gọi là trăm vị. Có kẻ bảo: Trăm thứ dược thảo, dược quả, nghiền làm Hỷ Hoàn cho người ăn uống nên

gọi là trăm vị”. Xét ra, thức ăn có được do quả báo của Bồ Tát và thức ăn do Bồ Tát dùng thần thông biến hóa ra đã có đến vô lượng vị; vậy thì thức ăn cam lộ vị cõi Cực Lạc phải có đến chẳng thể nghĩ bàn vị. Nói “bách vị” chỉ là thuận theo thói quen của thế gian này mà thôi!

“*Thật vô thực giả*” (Thật sự chẳng có ăn uống): Do chúng sanh cõi ấy hóa sanh từ hoa sen, thân thanh hư, thể vô cực nên chẳng hề có cái khổ đói, khát. Vì vậy, chẳng cần ăn uống, chỉ là thích ý mà ăn thôi. Bởi thế, “*kiến sắc, vãn hương, dĩ ý vi thực*” (thấy hình sắc, ngửi mùi hương, liền nghĩ là đã ăn), chứ thật sự chẳng ăn uống gì. Những thức ăn ấy lại có công dụng tăng thượng: Tăng trưởng hình sắc, sức mạnh. Ăn xong chẳng cần phải tiêu tiêu bản thủ. Rõ ràng là hết thấy mọi thức trong cõi Cực Lạc đều siêu thế hy hữu!

Hơn nữa, ăn vào “*thân tâm nhu nhuyễn*”, cũng chẳng tham đắm mùi vị kỳ diệu của những thức ăn đó. Phẩm Bồ Tát Tu Trì trong kinh này cũng bảo: “*U sở thọ dụng, giai vô nhiếp thủ*” (Với tất cả những điều mình thọ dụng đều không có tâm giữ lấy) và “*xả ly nhất thiết chấp trước*” (liả bỏ hết thảy chấp trước). Vì thế, “*vô sở vị trước*” (chẳng tham đắm mùi vị). Ăn xong, thức ăn lại tự nhiên biến đi, khi muốn ăn hề nghĩ tới lại hiện ra, hết thấy tự tại vô ngại vậy.

Đoạn kinh này hiển thị môn “*trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu*” của Vãng Sanh Luận. Bài kệ trong Luận như sau: “*Ái nhạo Phật pháp vị, Thiên tam-muội vi thực*” (Yêu thích Phật pháp vị, dùng thiên tam-muội làm thức ăn). Sách Luận Chú giảng: “*Vì thế, Phật hưng khởi đại nguyện, nguyện trong cõi nước ta dùng Phật pháp, Thiên Định, tam-muội làm thức ăn; dứt trọn vẹn cái khổ ăn uống nơi phương khác*”.

“*Ái nhạo Phật pháp vị*” (Yêu thích Phật pháp vị) là như khi Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật nói kinh Pháp Hoa suốt cả sáu mươi tiểu kiếp, người nghe kinh trong hội khi ấy cũng ngồi yên một chỗ suốt sáu mươi tiểu kiếp mà tưởng chỉ lâu chừng khoảng bữa ăn. Chẳng có một ai dù là thân hay tâm sanh nhọc mỏi cả.

“*Dùng Thiên Định làm thức ăn*” là các đại Bồ Tát thường trụ trong tam-muội, không còn có các thứ ăn uống. Tam-muội là nếu khi các trời, người cõi ấy cần ăn thì thức ăn ngon trăm vị bày la liệt trước mặt; mắt thấy sắc, mũi ngửi hương, thân hưởng vui sướng, tự nhiên no đủ. Ăn xong biến mất đi. Nếu lại cần nữa thì tự nhiên hiện ra. Những việc như vậy có chép trong kinh nên luận mới ghi: “*Yêu thích Phật pháp vị; dùng Thiên tam-muội làm thức ăn*”.

Chánh kinh:

復有眾寶妙衣、冠帶、瓔珞，無量光明，百千妙色，悉皆具足，自然在身。

Phục hữu chúng bảo diệu y, quan, đới, anh lạc, vô lượng quang minh, bách thiên diệu sắc, tất giai cụ túc, tự nhiên tại thân.

Lại có các thứ y báu tốt đẹp, mũ, đai, chuỗi anh lạc vô lượng quang minh, trăm ngàn sắc nhiệm màu thấy đều đầy đủ, tự nhiên khoác trên thân.

Giải:

Đoạn kinh này thuật rõ người cõi Cực Lạc tự tại thọ dụng y phục, vật trang sức.

“Đới” (帶) là dây thắt lưng (đai). “Anh lạc” (瓔珞): Đàn ông, đàn bà thuộc giới quý tộc Ấn Độ thường kết ngọc thành chuỗi để đeo trên mình, gọi là “anh lạc”. Các thứ y phục, trang sức như thế đều bằng các thứ báu hợp thành nên kinh nói: “*Chúng bảo diệu y*” (Các thứ áo báu tốt đẹp). Vì chúng do các báu hợp thành nên có quang sắc vi diệu như Quán kinh tả: “*Nhất nhất bảo trung, hữu ngũ bách sắc quang*” (Mỗi một thứ báu tỏa ra năm trăm sắc quang). Do đó, y phục, vật trang sức có “*vô lượng quang minh*”. Quán kinh lại bảo: “*Nhất nhất quang minh, bát vạn tứ thiên sắc*” (Mỗi một quang minh có tám vạn bốn ngàn màu) nên y phục, vật trang sức có “*bách thiên diệu sắc*” (trăm ngàn sắc nhiệm màu). Nói “*trăm ngàn*” cũng chỉ là cách nói ước lệ để diễn tả một con số rất lớn.

Trong mỗi sắc lại phóng quang minh như Quán kinh nói: “*Lưu ly sắc trung xuất kim sắc quang, pha ly sắc trung xuất hồng sắc quang*” (Trong sắc lưu ly tỏa ánh sáng vàng ròng; trong sắc pha lê tỏa ánh sáng màu hồng...) Bởi thế, quang sắc trùng trùng vô tận. Các thứ y phục, vật trang sức trang nghiêm trọn vẹn như vậy tự nhiên hiện trên thân chẳng cần phải nhọc công tạo tác.

Chánh kinh:

所居舍宅，稱其形色。寶網彌覆，懸諸寶鈴。奇妙珍異，周徧校飾。光色晃曜，盡極嚴麗。樓觀

欄楯，堂宇房閣，廣狹方圓，或大或小，或在虛空，或在平地。清淨安隱，微妙快樂。應念現前，無不具足。

Sở cư xá trạch, xứng kỳ hình sắc. Bảo võng di phú, huyền chú bảo linh, kỳ diệu, trân dị, châu biến hiệu sức, quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ. Lâu, quán, lan thuần, đường, vũ, phòng, các, quảng hiệp phương viên, hoặc đại, hoặc tiểu, hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa, thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, ứng niệm hiện tiền, vô bất cụ túc.

Nhà cửa họ ở đều tương xứng với hình sắc. Lưới báu trùm khắp, treo các linh báu kỳ diệu, quý lạ, trang hoàng trọn khắp, quang sắc chói lòa, trang nghiêm đẹp đẽ đến cùng cực. Lâu, quán, lan can, đường vũ, phòng, gác: rộng, hẹp, vuông, tròn, dù lớn hay nhỏ, hoặc ở trên không hay trên mặt đất đều thanh tịnh an ổn, vi diệu, khoái lạc, ứng theo tâm niệm mà hiện ra trước không thứ gì chẳng đầy đủ.

Giải:

Đoạn kinh nói về việc thọ dụng chỗ ở một cách đầy đủ.

“Xá trạch” (舍宅: nhà cửa) là nơi để ở, tục thường gọi là “túc xá, trú trạch”. Sách Hội Sớ giảng chữ “hình sắc” trong câu “xứng kỳ hình sắc” (tương xứng với hình sắc) như sau: “Hình (形) là thân lớn hay nhỏ; sắc (色) là xanh, vàng, đỏ, trắng”. Câu này có thể hiểu theo hai cách:

1. Một là hình thể và màu sắc của phòng ốc tương xứng, hòa hợp với nhau.
2. Hai là hình dáng, kết cấu, màu sắc, kích thước v.v... của nhà cửa đều tương xứng với sắc tướng của người sống trong ấy.

Như vậy, hình dạng nhà cửa tương xứng với thân một cách như ý; màu sắc nhìn vui mắt, đẹp lòng người.

“Bảo võng” (寶網) là lưới do các viên bảo châu kết thành. “Di phú” (彌覆) là phủ kín. “Bảo linh” (寶鈴) là các loại phong linh (windchime) do các thứ trân bảo tạo thành, gió thổi qua liền phát ra những âm thanh vi diệu. “Kỳ diệu trân dị” là lạ lùng, đặc sắc, đẹp đẽ,

ting xảo, quý báu, hiếm lạ. Câu kinh này khen ngợi sự thù thắng của các thứ báu hợp thành lưới và linh. “*Châu biến*” (周 徧) nghĩa là khắp tất cả không sót chỗ nào. Sách Hội Sớ giảng chữ “*hiệu sức*” (校 飾) như sau: “*Bày xen lẫn nhau để tô điểm*”. “*Hoảng diệu*”: Hoảng (晃) là sáng, tỏa rạng, diệu (曜) là chiếu soi. Như trên đã nói, trong mỗi quang minh có nhiều màu, mỗi màu lại tỏa nhiều quang minh, chiếu rọi lẫn nhau nên bảo là “*quang sắc hoảng diệu*” (quang sắc chói ngời). “*Nghiêm lệ*”: Nghiêm (嚴) là trang nghiêm, Lệ (麗) là đẹp đẽ.

“*Đường vũ*”: Đường (堂) là tòa nhà lớn, thời xưa gọi là “*đường*”, từ thời Hán trở đi gọi là “*điện*” (殿). “*Vũ*” (宇) là dãy phòng ở hai bên điện, hoặc dãy nhà phụ của điện. “*Phòng*” (房) là chỗ ở. Chỗ ở chánh giữa điện lại gọi là “*chánh thất*”, những chỗ ở thuộc các dãy nhà phụ gọi là “*phòng*”. “*Các*” (閣) là lầu. “*Phương viên*” (方 圓) là hình dáng vuông vức hay tròn trịa. Hơn nữa, những gì xây dựng thành một dãy thẳng cũng gọi là “*phương*”, xây theo đường cong thì coi là “*viên*”. Ví dụ như xây theo hình cánh quạt thì được coi là có cả hình dáng vuông lẫn tròn.

Mỗi kiến trúc lớn, nhỏ, cao, thấp “*hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa*” (hoặc ở trên không hay trên mặt đất) đều vừa ý người ở, hễ nghĩ đến liền hiện ra như bản Ngô dịch chép: “*Sở cư thất bảo xá trạch, trung hữu tại hư không trung giả, hữu tại địa giả. Trung hữu dục linh xá trạch tối cao giả, xá trạch tức cao. Trung hữu dục linh xá trạch tối đại giả, xá trạch tức đại. Trung hữu dục linh xá trạch tại hư không giả, xá trạch tức tại hư không trung. Giai tự nhiên tùy ý, tại sở tác vi*” (Sống trong nhà cửa bằng bảy báu; trong những nhà cửa ấy, có cái ở trên hư không, có cái trên mặt đất. Nếu người sống trong ấy muốn nhà cửa thật cao thì nhà cửa liền cao lên. Kẻ sống trong đó muốn nhà cửa thật to thì nhà cửa liền to ra. Kẻ sống trong ấy muốn nhà ở trên hư không thì nhà cửa liền ở trên hư không. Hết thấy đều tự nhiên biến hiện theo ý muốn). Như vậy, hình dáng, màu sắc, kích thước của nhà cửa nơi cõi ấy, dù ở trên hư không hay trên mặt đất, mỗi mỗi đều thuận ý người, ứng hiện theo ý nghĩ. Bản Đường dịch cũng ghi: “*U chúng sanh tiền, tự nhiên xuất hiện. Nhân giai tự vị các xử kỳ cung*” (Tự nhiên xuất hiện trước chúng sanh, ai nấy tự cho là mình ở trong cung điện ấy). Do chúng sanh vô lượng nên có vô lượng cung điện, dung nhập lẫn nhau, dù đây hay kia cũng chẳng hề trở ngại, thật là đã hiển thị rõ pháp giới sự sự vô ngại.

Sách Hội Sớ giảng câu “*thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc*” như sau: “*Không có Ngũ Trược nên thanh tịnh; không biến đổi nên an ổn, ngay đến từng hạt bụi cũng đã là chẳng thể nghĩ bàn nên vi diệu. Vĩnh viễn xa lìa nỗi khổ não nơi thân tâm nên khoái lạc*”.

Lại theo Vãng Sanh Luận, tất cả điều trên đều từ một thanh tịnh cú biến hiện nên bảo là “*thanh tịnh*”. Các vật thọ dụng chẳng thể nghĩ bàn trên đây đều ứng theo tâm niệm lập tức hiển hiện nên bảo là “*ứng niệm hiện tiền*” (ứng theo tâm niệm mà hiện ra trước mặt). Các vật thọ dụng viên minh cụ đức không thiếu, không dư nên bảo “*vô bất cụ túc*” (không thứ gì chẳng đầy đủ).